

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 88/2022/DS-ST.

Ngày: 14/10/2022.

V/v: “T/c hợp đồng mua bán tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn A

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T.

2. Bà Phạm Hồng G.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh S – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương T1 – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2022 T2 trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2022/QĐ-HPT ngày 30/8/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 21/2022/TB-TA ngày 26/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ.

Địa chỉ: ấp Giàn Gừa, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1977 và bà Danh Thị Hồng H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp Mương Kinh, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

(Ông S1, ông T2 có mặt, bà H vắng mặt T2 phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và T2 phiên tòa nguyên đơn ông Lê Thanh S1 trình bày như sau:*

Do ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H cư trú trên địa bàn xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên có quen biết với ông Lê Thanh S1. Từ chỗ quen biết nên ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ để mua thiếu các mặt hàng vật tư nông nghiệp về làm ruộng. Đến ngày 07/3/2018 ông Lê Thanh S1 với ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H tổng kết nợ thì ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H còn nợ của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 số tiền mua vật tư nông nghiệp tổng cộng gốc là 120.500.000 đồng. Sau khi chốt nợ ông Lê Thanh S1 với ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H có giấy nhận nợ cùng ngày có chữ ký xác nhận nợ của ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng.

Sau khi chốt nợ ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H cam kết trả nợ cho ông S1 thời hạn cuối cùng vào ngày 20/8/2018 trở đi sẽ thanh toán số tiền gốc và tiền lãi cho ông S1 mỗi tháng là 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H không thực hiện. Ông S1 có đến nhà ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H đòi nợ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H vẫn cứ hứa hẹn, đến nay vẫn chưa trả hết nợ trên cho ông S1.

Theo đơn khởi kiện ông Lê Thanh S1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H phải trả cho ông S1 số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 120.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 07/3/2018 đến ngày 08/3/2022 là 48 tháng với lãi suất 1,5%/tháng cụ thể như sau: $120.500.000 \text{ đồng} \times 48 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 86.760.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 207.260.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh trên số nợ gốc sau ngày 08/3/2022 cho đến khi xét xử vụ án.

T2 phiên hòa giải ông Lê Thanh S1 thừa nhận sau khi chốt nợ ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H có trả nợ gốc cho ông S1 nhiều lần, hiện còn nợ lại ông S1 số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc là 49.000.000 đồng.

T2 phiên tòa hôm nay ông Lê Thanh S1 yêu cầu ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 số tiền còn nợ gốc là 49.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/3/2018 đến ngày 14/10/2022 là 55 tháng với lãi suất 1%/tháng, cụ thể là: $49.000.000 \text{ đồng} \times 55 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 26.950.000 \text{ đồng}$, ông S1 giảm bớt thêm cho ông T2, bà H thêm số tiền lãi là 11.950.000 đồng, chỉ yêu cầu ông T2, bà H trả số tiền lãi là 15.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi ông S1 yêu cầu ông T2, bà H phải trả là 64.000.000 đồng. Đồng thời ông S1 xin rút yêu cầu buộc ông T2, bà H trả khoản nợ 71.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính trên số tiền gốc này theo đơn khởi kiện 12/5/2022 của ông S1.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và T2 phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu T2 trình bày như sau:*

Ông Nguyễn Hữu T2 thừa nhận vợ chồng ông T2 và bà H có mua vật tư nông nghiệp của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ nhiều lần, theo hình thức gởi đầu nghĩa là mua thiếu đầu vụ, trả tiền cuối vụ. Mục đích mua vật tư nông nghiệp để ông T2 đem về sản xuất lúa và ông T2 có cho một người tên Nguyễn Văn Lãnh ở An Giang một phần vật tư nông nghiệp ông T2 mua của ông S1 để sản xuất lúa ở Tám Ngàn (giao dịch mua vật tư nông nghiệp giữa vợ chồng ông T2 và ông S1 không liên quan gì đến ông Lãnh trong vụ án này). Đến ngày 07/3/2018 ông T2 với vợ là bà Danh Thị Hồng H cùng ông S1 tổng kết nợ thì ông T2 và bà H còn nợ của ông S1 tiền mua vật tư nông nghiệp tổng số tiền gốc là 49.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ ông T2 và bà H có cùng ký giấy nhận nợ cùng ngày có chữ ký xác nhận nợ của ông T2, bà H số tiền trên. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

Ông T2 thừa nhận ông T2 và vợ là bà Danh Thị Hồng H có ký vào giấy nhận nợ đề ngày 07/3/2018 mà ông S1 cung cấp cho Tòa án với nội dung ông T2 và bà H nợ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 của ông Lê Thanh S1 địa chỉ: ấp Giàn Gù, xã

Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nợ ông S1 số tiền là 125.000.000 đồng. Đồng thời, trong đó có nội dung hứa vào ngày 20/8/2018 trả số tiền là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T2 và bà H hiện nay chỉ còn nợ ông S1 số tiền gốc là 49.000.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp, chứ không có nợ 120.500.000 đồng như biên nhận nợ nêu trên.

T2 phiên tòa hôm nay ông Lê Thanh S1 yêu cầu ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 số tiền gốc mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ là 49.000.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 64.000.000 đồng thì ông T2 cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông S1. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông T2 xin trả dần số tiền trên cho ông S1 cho đến khi hết số nợ trên do hiện nay hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn.

** Bị đơn bà Danh Thị Hồng H:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà H, bà H đã nhận đầy đủ nhưng vẫn không về tham dự phiên tòa. Đồng thời Tòa án cũng yêu cầu bà H trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đến nay bà H vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án.

** T2 phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: T2 phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như T2 phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tiền lãi. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H phải trả cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ tiền gốc là 49.000.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 64.000.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp, buộc bị đơn chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Lê Thanh S1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H phải trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông S1 làm chủ. Ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H có nơi cư trú T2 địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định T2 khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn là bà Danh Thị Hồng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX giải quyết vắng mặt bị đơn bà Danh Thị Hồng H.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và diễn biến tranh tụng T2 phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau:

Ông Lê Thanh S1 và ông Nguyễn Hữu T2 đều xác nhận do quen biết nên ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp do ông Lê Thanh S1 làm chủ để mua vật tư nông nghiệp về làm ruộng. Đến ngày 20/8/2018 ông S1, ông T2 và bà H tổng kết nợ thì ông T2 và bà H nợ ông S1 số tiền 49.000.000

đồng tiền gốc thì ngưng trả nợ đến nay, sau khi tổng kết nợ hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định T2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

T2 phiên tòa hôm nay ông Lê Thanh S1 yêu cầu ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 nợ mua vật tư nông nghiệp số tiền gốc là 49.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/3/2018 đến ngày 14/10/2022 là 55 tháng với lãi suất 1%/tháng, cụ thể là: $49.000.000 \text{ đồng} \times 55 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 26.950.000 \text{ đồng}$, ông S1 giảm bớt thêm cho ông T2, bà H thêm 11.950.000 đồng tiền lãi, chỉ yêu cầu ông T2, bà H trả số tiền lãi là 15.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi nêu trên ông S1 yêu cầu ông T2, bà H phải trả là 64.000.000 đồng. Đồng thời ông S1 xin rút yêu cầu buộc ông T2, bà H trả khoản nợ đối với số tiền là 71.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính trên số tiền gốc này theo đơn khởi kiện 12/5/2022 của ông S1.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc mua bán hàng hóa giữa các bên được xác lập bằng miệng, nhưng có kết nợ bằng văn bản, bên bán là Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bên mua ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H đã nhận hàng nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

T2 Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán...”*.

Đồng thời, T2 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả tiền: *“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng...3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định T2 Điều 357 của Bộ luật này”*.

Đối chiếu với các quy định trên cho thấy việc ông Lê Thanh S1 yêu cầu ông Nguyễn Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp

Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ số tiền mua bán còn nợ nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên kết nợ với nhau vào ngày 07/3/2018, ông T2 và bà H hẹn sẽ thanh toán hết số nợ trên nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền gốc và lãi. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Xét yêu cầu rút một phần khởi kiện của ông Lê Thanh S1 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía ông Nguyễn Hữu T2 đồng ý trả số nợ trên cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên ông T2 xin được trả dần số tiền 64.000.000 đồng nêu trên nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Do đó HĐXX miễn xét.

Quá trình giải quyết vụ án ông T2 khai mua vật tư nông nghiệp của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ về cho một người tên là Nguyễn Văn Lãnh ở An Giang một phần vật tư nông nghiệp ông T2 mua của ông S1 để sản xuất lúa ở Tám Ngàn (giao dịch mua vật tư nông nghiệp giữa vợ chồng ông T2 và ông S1 không liên quan gì đến ông Lãnh trong vụ án này) do đó nếu có tranh chấp vấn đề này giữa ông T2 và ông Lãnh sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm : Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn

Hữu T2 và bà Danh Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1./ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1. Buộc ông Nguyễn Hữu T2, bà Danh Thị Hồng H phải trả cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh S1 do ông Lê Thanh S1 làm chủ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng). Trong đó tiền gốc là 49.000.000 đồng, tiền lãi là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh S1 về việc buộc ông Nguyễn Hữu T2, bà Danh Thị Hồng H trả khoản nợ 71.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính trên số tiền gốc này theo đơn khởi kiện 12/5/2022 của ông S1.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T2, bà Danh Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.200.000 đồng (Ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Lê Thanh S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.175.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007945 ngày 26/5/2022 T2 Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự có mặt T2 phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt T2 phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định T2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định T2 các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định T2 Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn A